

KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ (ME-NUT)

(Chương trình đào tạo quốc tế)

Chương trình đào tạo có thể được điều chỉnh hàng năm để đảm bảo tính cập nhật với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật và công nghệ; tuy nhiên đảm bảo nguyên tắc không gây ảnh hưởng ngược tới kết quả người học đã tích lũy

Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ	Tín chỉ
Khối kiến thức Toán và Khoa học cơ bản			
EE2014Q	Kỹ thuật điện	3	4
EM1010Q	Quản trị học đại cương	2	2
IT1110Q	Tin học đại cương	3	4
MI1110Q	Giải tích I	1	4
MI1120Q	Giải tích II	2	3
MI1130Q	Giải tích III	2	3
MI1140Q	Đại số	1	4
MI2010Q	Phương pháp tính	3	2
PH1110Q	Vật lý I	1	3
PH1120Q	Vật lý II	2	3
Cơ sở và cốt lõi ngành			
EE3359Q	Lý thuyết điều khiển tự động	5	3
ET3120Q	Kỹ thuật điện tử	6	4
ME2011Q	Đồ họa kỹ thuật 1	3	3
ME2012Q	Đồ họa kỹ thuật 2	4	3
ME2100Q	Nhập môn cơ điện tử	4	3
ME2140Q	Cơ học kỹ thuật 1	3	3
ME3010Q	Cơ học kỹ thuật 2	4	3
ME3040Q	Sức bền vật liệu 1	4	2
ME3060Q	Nguyên lý máy	4	3
ME3070Q	Kỹ thuật đo	5	3
ME3090Q	Chi tiết máy	5	3
MSE3100Q	Vật liệu học	5	2
TE3600Q	Kỹ thuật thủy khí	5	2
Khối kiến thức chuyên ngành			
ME3170Q	Công nghệ chế tạo máy	8	4
ME3300Q	Kỹ thuật lập trình trong cơ điện tử	6	3
ME4032Q	Đồ gá	7	2
ME4041Q	Sức bền vật liệu 2	6	2
ME4088Q	Cơ sở máy CNC	7	2
ME4099Q	ĐA thiết kế hệ thống cơ khí	6	3
ME4102Q	FMS & CIM	9	2
ME4233Q	CAD/CAM/CNC	9	2
ME4235Q	Thiết kế hệ thống điều khiển	8	2
ME4281Q	Tính toán thiết kế robot	8	2
ME4336Q	ĐA thiết kế hệ thống Cơ điện tử	7	3

Tự chọn			
EE3058Q	Cảm biến đo lường và xử lý tín hiệu đo	6	3
EE4220Q	Điều khiển logic và PLC	7	2
IT3010Q	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	8	2
IT4160Q	KT vi xử lý và giao tiếp máy tính	6	3
ME2116Q	Kỹ năng trình bày	5	2
ME3081Q	Thiết kế hệ thống CĐT	7	3
ME3140Q	Kỹ thuật an toàn và môi trường	8	2
ME3168Q	Robotics	7	3
ME4031Q	Dao động kỹ thuật	8	2
ME4052Q	Nguyên lý và dụng cụ cắt	7	2
ME4082Q	Công nghệ CNC	7	2
ME4092Q	Trang bị điện cho máy	9	2
ME4093Q	Kỹ thuật laser	8	2
ME4122Q	Các phương pháp gia công tinh	9	2
ME4211Q	Động lực học máy	9	2
ME4236Q	Thiết kế HT vi cơ điện tử	9	2
ME4900Q	Truyền động điện và điện tử công suất	9	2
Thực tập và Đồ án Tốt nghiệp			
ME5110Q	Đồ án tốt nghiệp	10	10
ME5010Q	Thực tập tốt nghiệp	9	3
ME3036Q	Thực tập xưởng	4	2
Ngoại ngữ			
QT1011	Tiếng Anh 1 (A1.1)	1	3
QT1021	Tiếng Anh 2 (A1.2)	2	3
QT1031	Tiếng Anh 3 (A2.1)	3	0
QT1041	Tiếng Anh 4 (A2.2)	4	0
QT1132	Tiếng Nhật 5 (N2)	5	0
QT0112	Tiếng Nhật 1 (N5)	1	3
QT0113	Tiếng Nhật 1 (N5)	1	3
QT0122	Tiếng Nhật 2 (N4)	2	3
QT0123	Tiếng Nhật 2 (N4)	2	3
QT1112	Tiếng Nhật 3 (N3)	3	3
QT1113	Tiếng Nhật 3 (N3)	3	3
QT1122	Tiếng Nhật 4 (N3)	4	3
QT1123	Tiếng Nhật 4 (N3)	4	3
Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương			
EM1170Q	Pháp luật đại cương	1	2
SSH1050Q	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	2
SSH1110Q	Những NLCB của CNML I	1	2
SSH1111Q	Triết học Mác - Lênin	1	3
SSH1120Q	Những NLCB của CN Mác-Lênin II	2	3
SSH1121Q	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
SSH1130Q	Đường lối CM của Đảng CSVN	4	3
SSH1131Q	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2

SSH1141Q	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	4	2
SSH1151Q	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2
Giáo dục thể chất			
PE1010Q	Giáo dục thể chất A	1	0
PE1014	Lý luận TDTT	1	0
PE1020Q	Giáo dục thể chất B	2	0
PE1024	Bơi lội	2	0
PE1030Q	Giáo dục thể chất C	3	0
PE2010Q	Giáo dục thể chất D	4	0
PE2020Q	Giáo dục thể chất E	5	0
Giáo dục Quốc phòng - An ninh			
MIL1210Q	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	1	0
MIL1220Q	Công tác quốc phòng và an ninh	2	0
MIL1230Q	Quân sự chung	2	0
MIL1240Q	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0